

## Phụ lục số XVIII

### Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh cấp cứu viên ngoại viện

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Số TT Theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT	Danh mục kỹ thuật
		<b>HỆ TUẦN HOÀN</b>
1		Đánh giá, phân loại bệnh nhân
2		Ngừng cấp cứu, xác nhận tử vong
3		Sử dụng liên lạc trước, trong bệnh viện
4	2.85	Điện tim thường 12 chuyển đạo
5	2.113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
6	9.8	Cấp cứu ngừng tim
7	3.51	Ép tim ngoài lồng ngực
8	21.13	Nghiệm pháp dây thắt
9	3.180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
10	6.69	Xử trí hạ huyết áp tư thế
11	3.203	Cầm máu (vết thương chảy máu)
12	9.6	Cấp cứu cao huyết áp
13	9.10	Cấp cứu tụt huyết áp
14		Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm
15	3.31	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
16	3.37	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
17	1.2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
18	3.1411	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
19	3.1402	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
20	1.3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục $\leq$ 8 giờ
		<b>HỆ HÔ HẤP</b>
21	3.102	Chăm sóc lỗ mở khí quản
22	1.75	Chăm sóc ống nội khí quản

23	3.179	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi
24	2.9	Chọc dò dịch màng phổi
25	2.11	Chọc hút khí màng phổi
26	3.2333	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
27	9.31	Đặt Combitube
28	3.77	Đặt ống nội khí quản
29	9.120	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản
30	9.123	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
31	2.32	Khí dung thuốc giãn phế quản
32	1.74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở
33		Mở màng giáp nhân cấp cứu
34	15.221	Sơ cứu bóng đường hô hấp
35	3.2189	Sơ cứu bóng kỳ đầu đường hô hấp
36	3.101	Thay canuyn mở khí quản
37	3.82	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)
38	9.187	Thông khí áp lực dương 2 mức qua hệ thống Boussignac
39	3.107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
40	9.7	Cấp cứu ngừng thở
41	3.103	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù
42	9.177	Thở CPAP không qua máy thở
43	1.59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (□ 8 giờ)
44	9.183	Thở oxy gọng kính
45	1.57	Thở oxy qua gọng kính (□ 8 giờ)
46	9.184	Thở oxy qua mặt nạ
47	3.110	Thở oxy qua mặt nạ có túi
48	1.60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (□ 8 giờ)
49	1.58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (□ 8 giờ)
50	9.185	Thở oxy qua mũ kín
51	9.186	Thở oxy qua ống chữ T
52	3.111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
53	3.105	Thở ngạt
54	3.2330	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế điều trị giãn phế quản, áp xe phổi

55	2.28	Kỹ thuật ho có điều kiện
56	2.30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
57	2.29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành
58	2.31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
59	3.93	Vận động trị liệu hô hấp
60	2.14	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter (đo lưu lượng đỉnh)
61	3.75	Cai thở máy
		<b>HỆ TIÊU HOÁ</b>
62	2.241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
63	3.172	Cho ăn qua ống thông dạ dày
64	1.224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
65	1.216	Đặt ống thông dạ dày
66	1.223	Đặt ống thông hậu môn
67	3.178	Đặt sonde hậu môn
68	2.215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
69	1.225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
70	9.142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
71	3.173	Rửa dạ dày bằng ống Faucher và qua túi kín
72	1.218	Rửa dạ dày cấp cứu
73	1.219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín
74	2.337	Thụt thuốc qua đường hậu môn
75	2.244	Đặt ống sonde dạ dày
76	3.1384	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
77	3.176	Nuôi dưỡng người bệnh qua catheter hồng tràng
78	3.181	Nuôi dưỡng người bệnh qua catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay
79	3.175	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày
80	1.222	Thụt giữ
81	2.221	Thụt tháo
82	2.337	Thụt thuốc qua đường hậu môn

83	2.243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
84	1.240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
		<b>HỆ TIẾT NIỆU</b>
85	3.334	Chăm sóc ống thông bàng quang
86	1.164	Thông bàng quang
87	3.133	Thông tiểu
88	3.1390	Kỹ thuật sản sóc theo dõi ống thông tiểu
89	9.150	Sản sóc theo dõi ống thông tiểu
90	2.233	Rửa bàng quang
91	2.172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ
92	2.167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần
93	2.168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tụ dịch – máu quanh thận/lần
94	2.171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu
95	2.170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu
96	1.246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
		<b>HỆ CƠ XƯƠNG</b>
97	10.164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
98	16.300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
99	1.157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
100	1.276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
101	1.277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
102	3.2072	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
103	13.202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh
104	16.301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
105	3.2069	Nắn sai khớp thái dương hàm
106	3.2245	Khâu vết thương phần mềm đầu cổ
107	3.3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm
108	3.3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm
109	10.1032	Nẹp bột các loại, không nắn
		<b>MẮT</b>
110	14.212	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
111	3.207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê

112	14.171	Khâu da mi đơn giản
113	14.174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
114	14.209	Tra thuốc nhỏ mắt
115	14.211	Rửa cùng đồ
116	14.260	Đo thị lực
117	3.1707	Khám mắt
118	14.208	Thay băng vô khuẩn
119	14.261	Thử kính
		<b>TAI</b>
120	1.53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
121	2.150	Hút đờm hầu họng
122	15.222	Khí dung mũi họng
123	15.212	Lấy dị vật họng miệng
124	3.2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản
		<b>SẢN KHOA - SƠ SINH</b>
125	13.23	Theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa
126	13.33	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
127	13.36	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
128	13.197	Chăm sóc rốn sơ sinh
129	13.34	Cắt và khâu tầng sinh môn
		<b>DA VÀ LỚP BAO PHỦ</b>
130	11.77	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng
131	3.1515	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu.
132	3.3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu
133	3.1703	Cắt chỉ khâu da
		<b>TÂM THẦN</b>
134	3.268	Cấp cứu người bệnh tự sát
135	6.70	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần
136	6.257	Xử trí người bệnh kích động
137	6.66	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần
138	6.72	Xử trí trạng thái sảng rượu

139	6.76	Nghiệm pháp Naloxone chẩn đoán hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện
		<b>ĐIỆN QUANG</b>
140	2.314	Siêu âm ổ bụng (FAST)
141		Siêu âm cấp cứu (FOCUS)
		<b>XÉT NGHIỆM</b>
142	3.225	Định lượng nhanh CK-MB trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
143	3.223	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
144	3.222	Định lượng nhanh NT-ProBNP trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
145	3.221	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
146	1.5	Làm test phục hồi máu mao mạch
147	1.282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
148	3.226	Xác định nhanh INR/PT/ Quick tại chỗ bằng máy cầm tay
149	3.191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
150		Lấy mẫu, vận chuyển mẫu bệnh phẩm xét nghiệm
151		Kỹ thuật đo Hb/Hct tại giường bằng máy cầm tay
152	3.214	Định tính chất độc trong nước tiểu bằng test nhanh
153	3.216	Đo lactat trong máu
154	3.217	Định tính chất độc trong máu bằng test nhanh
		<b>HỆ THẦN KINH</b>
155	3137	Xử trí tăng áp lực nội sọ
		<b>HỆ NỘI TIẾT</b>
156	7.225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường
157	7.232	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường
158	7.233	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường
159	7.234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường
160	7.239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
161	7.241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện

		<b>MŨI, MIỆNG, HỌNG</b>
162	1.52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn
163	15.142	Cầm máu mũi bằng Merocel
164	1.53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
165	15.141	Nhét bắc mũi trước
166	15.146	Rút meche, rút merocel hốc mũi
		<b>DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁC</b>
167	1.275	Băng bó vết thương
168	1.269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn
169	1.65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
170	1.245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử
171	3.3821	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
172	9.11	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong
173	1.305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
174	9.12	Chăm sóc catheter động mạch
175	9.13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
176	3.2354	Chọc dịch màng bụng
177	9.15	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài
178	9.16	Chọc tĩnh mạch đùi
179	3.2355	Dẫn lưu dịch màng bụng
180	3.164	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu
181	1.45	Dùng thuốc chống đông
182	1.271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc
183	1.270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
184	3.1448	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương
185	3.134	Hồi sức chống sốc
186		Khám bệnh
187	3.187	Kiểm soát đau trong cấp cứu
188	3.1415	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh ngoài
189	9.98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da
190	3.1403	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy

191	3.1409	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc
192	1.253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
193	1.251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
194	9.133	Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc
195	1.229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên $\leq 8$ giờ
196	11.138	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do cồng lạnh
197	11.139	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do kiềm và các hóa chất khác
198	11.140	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do tia xạ
199	11.82	Sơ cấp cứu bỏng acid
200	11.83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện
201	11.81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng
202	11.79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt
203	3.29	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu
204	3.87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2)
205	9.163	Theo dõi đường giấy tại chỗ
206	9.165	Theo dõi EtCO2
207	9.168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy
208	9.175	Theo dõi thân nhiệt bằng máy
209	9.176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
210	3.2389	Tiêm bắp thịt
211	3.2388	Tiêm dưới da
212	3.2387	Tiêm trong da
213	3.210	Tiêm truyền thuốc
214	9.194	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS
215	3.1405	Truyền dịch thường quy
216	9.196	Truyền dịch trong sốc
217	3.209	Truyền dịch vào tủy xương
218	9.199	Truyền máu trong sốc
219	1.252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch $\leq 8$ giờ
220	9.200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện
221	9.201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện



222	3.204	Vận chuyển người bệnh an toàn
223	1.278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
224	1.279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng
225	1.280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy
226		Hạ thân nhiệt chỉ huy
227		Khí máu - điện giải trên máy I-STAT-1 - ABBOTT
228		Theo dõi và chăm sóc người bệnh sốc phản vệ 72 giờ đầu
229	2.121	Sốc điện chuyên nhịp điều trị các rối loạn nhịp nhanh
230	2.120	Sốc điện điều trị rung nhĩ
231	1.69	Đặt mặt nạ thanh quản
232	1.132	Đặt nội khí quản bằng đèn video
233	2.32	Khí dung thuốc giãn phế quản
234	2.30	Kỹ thuật gây khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
235		Kỹ thuật gây khạc đờm bằng máy khí dung siêu âm
236	1.144	Thông khí nhân tạo xâm nhập
237	1.157	Thông khí nhân tạo không xâm nhập
238	1.89	Hút đờm kín qua ống nội khí quản hoặc mở khí quản
239		Kỹ thuật làm sạch nòng trong canuyn mở khí quản 2 nòng
240		Cố định tạm thời xương chậu
241		Cố định tạm thời xương vai
242		Cố định tạm thời xương đòn
243		Cố định tạm thời xương cẳng tay
244		Cố định tạm thời xương cánh tay
245		Cố định tạm thời xương đùi
246		Cố định tạm thời xương cẳng chân
247	3.1704; 14.212	Cấp cứu bong mắt ban đầu
248	1.259	Rửa mắt tẩy độc
249	15.220	Thay ống mở khí quản
250		An thần bằng miếng dán trên da
251		An thần đường hậu môn, trực tràng
252		An thần đường tiêm bắp

253		An thần đường tiêm tĩnh mạch một liều duy nhất
254		An thần đường tiêm tĩnh mạch ngắt quãng
255		An thần đường tĩnh mạch truyền liên tục bằng bơm tiêm điện
256		An thần đường uống
257		Siêu âm đánh giá nhanh người bệnh chấn thương (FAST)
258		Kỹ thuật vận chuyển nội viện ở người bệnh được hỗ trợ hệ thống trao đổi oxy qua màng ngoài cơ thể (ECMO)
259		Ép tim ngoài lồng ngực bằng máy ép tim tự động
260	1.25	Kỹ thuật đánh giá huyết động cấp cứu không xâm nhập bằng USCOM
261	1.36	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực
262	1.76	Kỹ thuật thay băng lỗ mở khí quản
263	1.53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
264		Kỹ thuật truyền thuốc qua máy bơm tiêm điện
265		Đánh giá, nhận định người bệnh
266		Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển bằng xe lăn
267		Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch qua cổng tiêm thuốc
268		Kỹ thuật cố định người bệnh kích động
269		Theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung(trên đường vận chuyển)
270		Xử trí đẻ rơi
271		Đỡ rau, kiểm tra bánh rau
272		Xử trí ban đầu băng huyết sau sinh
273		Xử trí ban đầu suy hô hấp sơ sinh
274		Xử trí sặc sữa
275		Chuyển viện an toàn cho sơ sinh
276	9.139	Nâng thân nhiệt chỉ huy
277	3.185	Nâng thân nhiệt chủ động
278	3.4198	Test dưới da với thuốc
279	2.163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
280	3.192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng
281	1.267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)

282	3.1510	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
283	11.5	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
284	11.10	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
285	11.4	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn
286	11.116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính
287	15.303	Thay băng vết mổ
288	3.3911	Thay băng, cắt chỉ